TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-PT
Ngày 06-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng;

Ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 06-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-HN&GĐ ngày 21-3-2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT, ngày 03-5-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ H - Luật sư Văn phòng luật sư Thảo Nguyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có mặt;

Địa chỉ: Số 342, đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Hồng T – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng S;

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy K – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C - Sacombank Đắk Nông – Có mặt.

Địa chỉ: Lô D1, khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

+ Ngân hàng chính sách V;

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang D – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách V huyện C – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

+ Chị Đỗ Thị Y, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

+ Chị Đỗ Thị O, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

+ Chị Đỗ Thị T, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, Đăk Nông.

+ Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ, cùng địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

+ Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O, cùng địa chỉ: 21/6K, tổ 76, ấp T, xã Th, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25-4-2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 27-11-2017 của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh và chị Phạm Thị Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02-02-2001, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng về quan điểm sống, trong làm ăn kinh tế cũng như việc nuôi dạy con. Ngoài ra, trong vấn đề tiền bạc chị T chi tiêu không rõ ràng, khi hai vợ chồng cãi vã thì gia đình bên ngoại lại can thiệp quá sâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể nào chung sống với nhau được, nguyện vọng của anh xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 07-02-2002 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 01-6-2004, hiện nay đang ở với chị T; nguyện vọng của anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H yêu cầu chị T phải hoàn trả cho anh H 21.340.000 đồng, là số tiền anh H đã đầu tư chăm sóc vườn tiêu và nâng cấp đường điện 03 pha.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu phản tố ngày 30-5-2017; đơn khởi kiện yêu cầu phản tố (bổ sung) ngày 07-11-2017 của bị đơn là chị Phạm Thị Hồng T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như anh H trình bày trên là đúng. Tuy nhiên, chị T cho rằng nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do anh H có tính gia trưởng, chi li trong vấn đề tiền bạc, lại còn đánh đập chị, từ đầu năm 2017 anh chị đã sống ly thân. Do cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, nên chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Hiện nay 02 cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Trung H đang ở cùng với chị và đi học; nguyện vọng của chị được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Tuy nhiên, các cháu ở với ai chị sẽ tôn trọng sự lựa chọn của các cháu.

Về tài sản chung:

- 01 thửa đất thổ cư, diện tích 279m^2, thửa đất số 512, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BB 457553, cấp ngày 04-10-2010, đứng tên anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4, nền láng xi măng, mái lợp tôn, không trần, diện tích 71m^2, xây dựng năm 2008; 01 căn nhà xây cấp 4, móng gạch, tường xây gạch ống có tô trát, nền lát gạch, mái lợp tôn, không trần, diện tích 61m^2, xây dựng năm 2009; 01 nhà vệ sinh diện tích 2,5m x 02m = 05m^2; 01 mái xe sau diện tích 17,5m^2; 01 bếp nấu rượu diện tích 69m^2 xây năm 2009; 01 chuồng heo diện tích 45,8m^2 xây năm 2009; 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130, máy bơm 1,2 KW, bơm 1 pha mua năm 2008; 01 mái che, kèo sắt, lợp tôn diện tích 30m^2.

- 01 lô đất rẫy, diện tích 23.201m^2, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, GCNQSDĐ số AH 269748, cấp ngày 09-7-2007, đứng tên anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 32,7m^2; 01 nhà bếp diện tích 10,7m^2; 01 bể nước thể tích 7,7m^3; 01 mái che khung sắt diện tích 12,5m^2; 01 sân xi măng diện tích 246m^2; 01 giếng khoan sâu 40m; 2.000 trụ tiêu kinh doanh mới trồng và 06 sào đất trắng chưa được cấp GCNQSDĐ; tiền mặt 210.000.000 đồng anh H đang giữ.

Nguyện vọng của của chị T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất thổ cư và diện tích 279m^2, tạo điều kiện cho chị có chỗ ở ổn định để nuôi con, mặt khác nguồn gốc thửa đất này do bố mẹ chị cho, chị sẽ trả lại giá trị tài sản bằng tiền cho anh H theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất rẫy, diện tích 23.201m^2 chị đề nghị chia đôi, được sử dụng chung với anh H 01 đường điện 03 pha để phục vụ việc chăm sóc rẫy tiêu; yêu cầu anh H hoàn lại số tiền 105.000.000 đồng và chị T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với 06 sào đất trắng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách V 42.000.000 đồng; nợ Ngân hàng S 500.000.000 đồng; nợ tiền cám nuôi heo của chị Đỗ Thị Y 56.046.000 đồng; nợ chị Đỗ Thị T 39.000.000 đồng; vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Đào Thị

Đ 20.000.000 đồng và chị Đỗ Thị O 20.000.000 đồng. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nợ chung, mỗi người trả ½ số nợ.

- Tại đơn khởi kiện ngày 15-6-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đỗ Thị Y trình bày: Năm 2014, vợ chồng anh H, chị T nợ tiền cám heo 56.046.000 đồng, đến nay chưa trả. Nay vợ chồng ly hôn thì yêu cầu anh H, chị T cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên. Ngày 05-9-2017, chị Y đã rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận việc trả nợ.

- Tại đơn khởi kiện ngày 15-6-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đỗ Thị T trình bày: Ngày 08-4-2014, chị có cho chị T vay 10.000.000 đồng, mục đích vay mua trụ tiêu, hẹn cuối năm 2014 trả; khi vay không có anh H; ngày 10-3-2015, chị cho chị T vay 7.000.000 đồng, mục đích vay trả tiền Chi hội phụ nữ xã, hẹn cuối năm 2015 trả; khi vay không có anh H; đến ngày 02-5-2015, chị cho chị T vay tiếp 22.000.000 đồng, mục đích vay mua dây tiêu, hẹn cuối năm 2015 trả; khi vay không có anh H. Tổng cộng 39.000.000 đồng, các lần vay đều không có lãi và đến nay vẫn chưa trả. Nay hai vợ chồng ly hôn thì yêu cầu anh H và chị T cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên. Ngày 05-9-2017, chị T đã rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận việc trả nợ.

- Tại đơn khởi kiện ngày 15-6-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đỗ Thị O trình bày: Ngày 05-6-2016, chị có cho chị T vay 20.000.000 đồng, mục đích đầu tư vào rẫy, hẹn cuối năm thu tiêu trả; vay không có lãi nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nếu hai vợ chồng anh H, chị T ly hôn thì yêu cầu cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên. Ngày 05-9-2017, chị O đã rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận việc trả nợ.

- Tại đơn khởi kiện ngày 15-6-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đào Thị Đ trình bày: Ngày 09-8-2013, vợ chồng tôi có cho chị T vay 20.000.000 đồng, mục đích để trồng tiêu, hẹn cuối năm thu tiêu trả; vay không có lãi nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay hai vợ chồng anh H, chị T ly hôn thì yêu cầu cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên. Ngày 05-9-2017, anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ đã rút đơn khởi kiện để tự thỏa thuận việc trả nợ.

- Đơn khởi kiện ngày 15-6-2017, Ngân hàng chính sách V trình bày: Ngày 10-11-2016, Ngân hàng chính sách V – Chi nhánh huyện C cho vợ chồng anh H, chị T vay 30.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ 10-11-2017, mục đích vay kinh doanh buôn bán; đến ngày 10-6-2016 vợ chồng anh H, chị T tiếp tục vay 12.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ 10-6-2021, mục đích vay xây dựng, sửa chữa công trình nước sạch, tổng cộng 42.000.000 đồng. Hiện nay các khoản nợ chưa đến hạn, nhưng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H, chị T trả 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm chị Đỗ Thị Y, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị O và chị Đào Thị Đ cho rằng nguyên nhân rút đơn không yêu cầu giải quyết là vì muốn để vợ chồng anh H tự thoả thuận với nhau việc trả nợ, nhưng anh chị vẫn không

thống nhất được. Do đó, các chị vẫn yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh H và chị T phải có nghĩa vụ trả số nợ trên.

- Ngân hàng S do ông Nguyễn Đình L– Trưởng phòng Phòng giao dịch C – Chi nhánh Đắk Nông trình bày: Ngày 04-5-2017, vợ chồng anh H và chị T có vay của Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Nông 500.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số LD1711800031; đã giải ngân đợt 01 ngày 04-5-2017, số tiền 250.000.000 đồng; đợt 02 ngày 19-5-2017, số tiền 250.000.000 đồng; lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng, hạn trả nợ 04-5-2019. Khi vay có thế chấp 02 lô đất thổ cư (thửa đất số 512, diện tích 279m^2 và thửa đất số 83, diện tích 23.201m^2) đứng tên vợ chồng anh H và chị T. Hiện nay, khoản vay chưa đến hạn trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; khi đến hạn trả nếu anh H và chị T không trả sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:*** Năm 2013, anh H và chị O đầu tư cho anh H và chị T 60.000.000 đồng để trồng tiêu, việc đầu tư không thỏa thuận thời hạn và chia lợi nhuận cụ thể, nhưng không viết giấy tờ gì. Năm 2017, anh H có mượn anh H 100.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh H ly hôn nên anh yêu cầu anh H và chị T trả lại số tiền 60.000.000 đồng, lợi nhuận 40.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà anh H đã cho anh H vay.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST, ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã Quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Hồng T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn H; Ngân hàng chính sách V; anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ; chị Đỗ Thị O; chị Đỗ Thị T và chị Đỗ Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 07-02-2012 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 01-6-2004. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01-02-2018 cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Phạm Thị Hồng T được quyền sử dụng:

- 01 (một) lô đất thổ cư tọa lạc tại thôn 01, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Nông, diện tích 279m^2, thửa số 512, tờ bản đồ số 24, GCNQSDĐ số BB 457553, tứ cận: phía Bắc giáp đường liên xã rộng 10m, phía Nam giáp đất ông T rộng 10m, phía

Đông giáp đất ông T dài 27,6m, phía Tây giáp đất ông T dài 28,5m và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 71m^2; 01 nhà xây cấp 4, diện tích 61m^2; 01 mái che, diện tích 30m^2; 01 nhà vệ sinh, diện tích 5m^2 ; 01 mái che sau diện tích 17,5m^2; 01 chuồng heo diện tích 45,8m^2; 01 bếp nấu rượu, diện tích 24m^2 và 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130, máy bơm 1,2KW, bơm 1 pha. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất 304.825.000 đồng.

- 14.200m^2 đất thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, GCNQSDĐ số AH 269748, tứ cận: Phía Bắc giáp đường liên thôn; phía Nam giáp khe suối; phía Đông giáp đất ông Đặng Văn K và phía Tây giáp đất chia cho anh H; tài sản trên đất gồm có 200 trụ bê tông trồng cây tiêu năm 2015, loại B; 200 trụ bê tông trồng cây tiêu năm 2016, loại A; 600 trụ gỗ tạp kẹp cây sống trồng tiêu năm 2016 loại B; tài sản trên có tổng giá trị 377.800.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng: 9.001m^2 đất thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, GCNQSDĐ số AH 269748, tứ cận: phía Bắc giáp đường liên thôn; phía Nam giáp khe suối; phía Đông giáp đất chia cho chị T và phía Tây giáp phần đất chưa có GCNQSDĐ của anh H và chị T.

Tạm giao cho anh H quyền sử dụng 7.167m^2 đất chưa có GCNQSDĐ liền kề, tứ cận: phía Bắc giáp đường liên thôn; phía Nam giáp khe suối; phía Đông giáp đất chia cho anh H và phía Tây giáp đất anh Phạm Duy S. Toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 32,7m^2; 01 nhà bếp, diện tích 10,7m^2; 01 bể nước, thể tích 7,7m^3; 01 mái che khung sắt, diện tích 12,5m^2; 01 sân xi măng, diện tích 246m^2; 01 giếng khoản sâu 40m, phi 130; 215 trụ giả (cây lồ ô); 300 trụ bê tông không có dây tiêu; 628 trụ tiêu trồng năm 2013, loại B; 557 trụ tiêu trồng năm 2016, loại A. Toàn bộ tài sản trên có tổng giá trị 524.547.000 đồng.

Anh H phải hoàn lại cho chị T 178.373.500 đồng (trong đó 73.373.500 đồng tiền chênh lệch chia rẫy và 105.000.000 đồng tiền mặt anh H quản lý). Chị T phải hoàn lại cho anh H 156.752.500 đồng (trong đó 135.412.500 đồng chênh lệch từ chia đất thổ cư và nhà trên đất, 21.340.000 đồng là tiền anh H đã bỏ ra đầu tư rẫy). Tổng giá trị tài sản chị T được phân chia là 169.412.500 đồng + 451.173.500 đồng = 746.926.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh H được phân chia 135.412.500 đồng + 451.173.500 đồng + 21.340.000 đồng + 105.000.000 đồng = 712.926.000 đồng. Như vậy, anh H phải hoàn lại cho chị T 21.621.000 đồng.

Anh H và chị T được quyền sử dụng chung 01 đường điện 03 pha sau công tơ điện của anh H và chị T. Chị T được quyền lắp đặt 01 đồng hồ điện 03 pha sau công tơ điện của anh H chị T để làm căn cứ tính chỉ số sử dụng điện và thanh toán tiền theo thỏa thuận với nhà cung cấp điện.

4. Về nợ chung:

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng S 269.903.800 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng và nợ lãi suất 19.903.800 đồng).

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 01-02-2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD 1711800031 ngày 04-5-2017 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc.

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T mỗi người phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O 50.000.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Hồng T thanh toán cho Ngân hàng chính sách V 42.000.000 đồng; anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị O 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị T 39.000.000 đồng và chị Đỗ Thị Y 56.046.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H phải hoàn lại cho chị Phạm Thị Hồng T ½ số tiền trả nợ chung là 88.523.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung 06 sào đất trắng do chị Phạm Thị Hồng T đã rút.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí , chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06-02-2018 anh Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với việc phân chia tài sản chung, con chung và các khoản nợ mà anh không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xửxem xét giải quyết theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm xét nguyện vọng của hai cháu đều xin được ở với chị T, nên giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, là không hợp lý vì anh H cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết giao cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Toà án cấp sơ thẩm buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/một cháu là quá cao, đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Thửa đất thổ cư diện tích 279m^2, có chiều rộng là 10m, trên đất có 02 căn nhà xây cấp 4, đề nghị chia đôi nhưng ưu tiên chị T được ở trên căn nhà đang ở là hợp tình, hợp lý. Đối với diện tích đất rẫy là 31.799,7m^2 đề nghị được chia đôi mỗi người được quyền sử dụng ½ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ vay Ngân hàng S là 500.000.000 đồng tiền gốc, Toà án cấp sơ thẩm đã phân chia anh H và chị T mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ ½ số nợ gốc và lãi suất là có căn cứ.

Đối với các khoản nợ khác, cụ thể nợ Ngân hàng chính sách V Chi nhánh huyện C là 42.000.000 đồng; anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị O 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị T 39.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Y 56.046.000 đồng, tổng cộng là 177.046.000 đồng, đây là khoản nợ chị T vay

nhưng anh H hoàn toàn không biết, nên anh H không có nghĩa vụ phải trả các khoản nợ này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Toà án xem xét lại án phí đối với số tiền 500.000.000 đồng nợ Ngân hàng S, vì khoản tiền này chưa đến hạn trả và Ngân hàng cũng không có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy: Về quan hệ hôn nhân, anh H và chị T đều có nguyện vọng được ly hôn, Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn là có căn cứ. Về con chung, cấp sơ thẩm đã căn cứ quyền lợi về mọi mặt và xét nguyện vọng của các cháu nên đã giao cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Ngày 05-9-2017 Toà án huyện C lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đến ngày 07-11-2017, chị T làm đơn yêu cầu phản tố bổ sung; ngày 28-11-2017, anh H làm đơn khởi kiện bổ sung; ngày 11-12-2017 anh H, chị O làm đơn yêu cầu độc lập nhưng Toà án vẫn chấp nhận thụ lý giải quyết là vi phạm Điều 5, khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, huỷ một phần bản án sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST, ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần chia tài sản chung, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện C giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Đối với yêu cầu kháng cáo xin được quyền nuôi con của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07-02-2002 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 01-6-2004, hiện nay chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế anh H thường xuyên ở trong rẫy để tiện việc chăm sóc, quản lý rẫy và làm kinh tế, chị T ở nhà buôn bán nên có điều kiện chăm sóc và thuận lợi trong việc đi lại học tập của các con. Mặt khác, nguyện vọng của các con đều xin được ở với chị T. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của các con, tạo điều kiện thuận lợi cho các con phát triển tốt về mọi mặt, nên đã giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét điều kiện kinh tế của anh H hiện nay còn khó khăn, các khoản nợ còn nhiều, tài sản đã thế chấp vay tiền Ngân hàng, cây trồng trên đất phần lớn đã bị chết, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Toà án cấp sơ thẩm buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000đ/cháu là chưa phù hợp với điều kiện kinh tế và mức thu nhập hiện tại của anh H. Căn cứ vào Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Toà án nhân dân Tối cao thì trường hợp các bên không thoả thuận được với nhau về việc đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con thì mức đóng góp không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Do đó, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.300.000 đồng/2 con, thời hạn tính từ ngày 01-02-2018 cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 24, diện tích 279m^2 (đất thổ cư) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 71m^2 và 01 nhà xây cấp 4, diện tích 61m^2; 01 mái che, diện tích 30m^2; 01 nhà vệ sinh, diện tích 5m^2; 01 mái che sau diện tích 17,5m^2; 01 chuồng heo diện tích 45,8m^2; 01 bếp nấu rượu, diện tích 24m^2; 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130, máy bơm 1,2KW, bơm 1 pha. Quá trình giải quyết anh H và chị T đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất này do cha mẹ chị T cho, hiện nay đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên anh H và chị T, nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Đất có giá trị là 170.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào công sức đóng góp nên đã phân chia cho chị T được hưởng 60% tương ứng số tiền 102.000.000 đồng, còn anh H được hưởng 40% tướng ứng với số tiền 68.000.000 đồng là phù hợp. Đối với tài sản trên đất do anh chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân có giá trị 134.825.000 đồng nên đã phân chia mỗi người được quyền sở hữu ½ tương ứng với số tiền 67.412.500 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và Gia đình. Hiện nay, chị T cùng các con đang sinh sống trên thửa đất này, xét nguyện vọng của chị T xin được ở lại căn nhà và được quyền sử dụng đất để đảm bảo ổn định cuộc sống cho chị T cùng các con, Toà án cấp sơ thẩm đã giao đất, tài sản trên đất cho chị T được quyền sử dụng, chị T có nghĩa vụ bù tiền chênh lệch tài sản cho anh H số tiền 135.412.500 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4]. Đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, diện tích 23.201m^2, đã được cấp GCNQSDĐ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất thực tế hiện nay anh H và chị T đang sử dụng là: 31.799,7m^2, trong đó có 8.597m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 32,7m^2; 01 nhà bếp, diện tích 10,7m^2; 01 mái che diện tích 12,5m^2; sân xi măng diện tích 246m^2; 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130, toàn bộ đất còn lại đã trồng tiêu. Quá trình giải quyết anh chị đều có nguyện vọng xin được chia đôi theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã phân chia cho anh H, chị T mỗi người được quyền sử dụng ½ thửa đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất, giao cho anh H phần đất có căn nhà ở để đảm bảo cuộc sống cho anh H là có căn cứ. Do diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ nằm về phần đất có căn nhà giáp ranh với đất của

ông Phạm Văn T, nên tạm giao cho anh H quyền sử dụng, sau này anh H có quyền kê khai xin cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật là phù hợp. Tuy nhiên, do hai thửa đất và tài sản trên đất đã nêu trên hiện nay anh H, chị T đang thế chấp tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đăk Nông, phòng giao dịch huyện C. Để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của bên nhận thế chấp thì khi phân chia tài sản đang thể chấp, Hội đồng xét xử chỉ tạm giao cho chị T được quyền sử dụng thửa đất số 512, tờ bản đồ số 24, diện tích 279m^2 và ½ thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, diện tích 15.899m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Tạm giao cho anh H được quyền sử dụng ½ thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, diện tích 15.899m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho đến khi anh H và chị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng giải chấp thì anh H và chị T được quyền sử dụng đất, sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Theo biên bản định giá ngày 30-5-2018, anh chị đã tự thoả thuận giá 01 ha có giá trị 200.000.000 đồng, nhà ở, sân và công trình khác trị giá 30.000.000 đồng. Anh H được chia phần đất có căn nhà ở nên phải bù tiền chênh lệch tài sản cho chị T 15.000.000 đồng là phù hợp

[5]. Đối với số tiền 210.000.000 đồng anh H đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng, nên chị T yêu cầu anh H phải hoàn trả cho chị ½ tương ứng với số tiền 105.000.000 đồng là có căn cứ. Dòng điện 3 pha được lắp để sử dụng vào việc chăm sóc rẫy, nay diện tích đất rẫy chia đôi mỗi người ½ nên anh chị được quyền sử dụng chung đường điện là phù hợp.

[6]. Về công nợ: Chị T khai nợ anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị O 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị T 39.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Y 56.046.000 đồng. Anh H cho rằng đây là khoản nợ chị T vay nhưng anh H hoàn toàn không biết, nên anh H không có nghĩa vụ trả. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy vay cũng như lời khai của chủ nợ đều xác định tại thời điểm vay không có mặt anh H, một mình chị T vay, chị T cũng không chứng minh được số tiền trên vay về sử dụng vào mục đích gì và anh H cũng không thừa nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ và buộc anh H phải trả lại cho chị T½ số nợ là không phù hợp. Do đó cần buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ riêng là có căn cứ.

[7]. Khoản nợ chị T vay Ngân hàng chính sách V 30.000.000 đồng, vay ngày 10-11-2016, hạn trả nợ ngày 10-11-2017 và 12.000.000 đồng vay ngày 10-6-2016, hạn trả nợ 10-6-2021, Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù trong sổ vay vốn đứng tên một mình chị T, nhưng tại phiên toà phúc thẩm anh H thừa nhận có vay Ngân hàng chính sách V chương trình nước sạch, nhưng không biết cụ thể số tiền vay và chị T sử dụng vào mục đích gì. Vì vậy, có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung. Tuy nhiên, do chị T đứng tên vay nên buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách V số tiền trên và tiền lãi theo hợp đồng vay. Anh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T 21.000.000 đồng tiền gốc và ½ tiền lãi đến khi chị T trả hết nợ là phù hợp.

[8]. Đối với khoản nợ của Ngân hàng S - Chi nhánh Đăk Nông phòng giao dịch huyện C là 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1777118000031 ngày 04-5-2017. Tài sản thế chấp 01 thửa đất số 512, tờ bản đồ số 24, diện tích 279m^2 và thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, diện tích 23.201m^2, GCNQSDĐ đứng tên anh H và chị T. Quá trình giải quyết anh chị đều thừa nhận là nợ chung và chấp nhận mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ gốc, tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng cho rằng do khoản nợ chưa đến hạn, nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập để buộc anh H, chị T phải có nghĩa vụ trả nợ trước thời hạn. Về nguyên tắc Ngân hàng không yêu cầu anh chị trả nợ thì Toà án không xem xét giải quyết, nhưng do chị T làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, trong đó có 02 thửa đất anh chị đã thế chấp cho Ngân hàng. Vì vậy, mặc dù Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập, nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng thì khi giải quyết phân chia tài sản thế chấp thì đồng thời phải phân chia nghĩa vụ trả nợ cho anh H, chị T mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ gốc, tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng khi đến thời hạn trả nợ là phù hợp pháp luật.

[9]. Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O tổng cộng 100.000.000 đồng, quá trình giải quyết anh H, chị T đều thừa nhận là nợ chung. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc anh chị phải có nghĩa vụ trả cho anh H và chị O ½ số nợ là có căn cứ. Đối với số tiền 21.340.000 đồng chi phí đầu tư vườn tiêu và nâng cấp đường điện 03 pha, anh H yêu cầu chị T phải thanh toán và được chị T chấp nhận trả lại cho anh H số tiền trên là phù hợp, đồng thời chị T vẫn được quyền sử dụng chung đường điện. Để thuận lợi trong việc thanh toán tiền điện hàng tháng thì chị T có quyền lắp đặt đồng hồ riêng.

[10]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa có phần chưa phù hợp bởi lẽ: Mặc dù, Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc thụ lý đơn yêu cầu phản tố bổ sung của chị T; đơn khởi kiện bổ sung của anh H; đơn yêu cầu độc lập của anh H, chị O vi phạm khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này của Toà án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên cần nêu lên để rút kinh nghiệm là được, không cần thiết phải huỷ một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung, để giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà có phần chưa phù hợp.

[11]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Sửa bản án sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST, ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung.

[12]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 218, Điều 244, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 281, Điều 401, Điều 471, Điều 476, Điều 477; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm 1 khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Sửa bản án sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST, ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Hồng T.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T đã rút đối với 06 sào đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07-02-2002 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 01-6-2004 cho chị Phạm Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.300.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01-02-2018 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung:

- Tạm giao cho chị Phạm Thị Hồng T được quyền sử dụng thửa đất số 512, tờ bản đồ số 24, diện tích 279m^2, GCNQSDĐ số BB 457553, cấp ngày 04-10-2010 và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cụ thể: 01 căn nhà xây cấp 4, nền láng xi măng, mái lợp tôn, không trần, diện tích 71m^2, xây dựng năm 2008; 01 căn nhà xây cấp 4, móng gạch, tường xây gạch ống có tô trát, nền lát gạch, mái lợp tôn, không trần, diện tích 61m^2, xây dựng năm 2009; 01 nhà vệ sinh diện tích 2,5m x

02m = 05m^2; 01 mái xe sau diện tích 17,5m^2; 01 bếp nấu rượu diện tích 69m^2 xây năm 2009; 01 chuồng heo diện tích 45,8m^2 xây năm 2009; 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130, máy bơm 1,2 KW, bơm 1 pha mua năm 2008; 01 mái che, kèo sắt, lợp tôn diện tích 30m^2. Đất và tài sản trên đất có giá trị 304.825.000 đồng, tọa lạc tại: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

- Tạm giao cho chị Phạm Thị Hồng T được quyền sử dụng diện tích đất 15.899m^2, thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, GCNQSDĐ số AH 269748, cấp ngày 09-7-2007 và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lại tại: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông, tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp đất ông Đặng Văn K dài 209,62m + 14,90m;

Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn H được chia 290,4m;

Phía Nam giáp khe suối (mương nước) dài 102,78m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 15,98m + 21,24m + 8,65m.

Diện tích đất và tài sản trên đất có giá trị là 317.980.000 đồng.

Khi nào chị Phạm Thị Hồng T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S - Chi nhánh Đăk Nông phòng giao dịch huyện C và được Ngân hàng giải chấp thì chị T được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Tạm giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 7.302m^2, thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 21, GCNQSDĐ số AH 269748, cấp ngày 09-7-2007 và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, cụ thể: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 32,7m^2; 01 nhà bếp, diện tích 10,7m^2; 01 bể nước thể tích 7,7m^3; 01 mái che khung sắt, diện tích 12,5m^2; 01 sân xi măng diện tích 246m^2; 01 giếng khoan sâu 40m, phi 130 và toàn bộ cây trồng tiêu, trụ tiêu gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lại tại: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông, tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp đất chị Phạm Thị Hồng T được chia dài 290,4m;

Phía Tây giáp đất chưa được cấp GCNQSDĐ dài 255,4m;

Phía Nam giáp đất chưa được cấp GCNQSDĐ dài 37,3m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 7,47m + 27,47m.

- Tạm giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích 8.597m^2 đất chưa được cấp GCNQSDĐ cùng toàn bộ tài sản trên đất, tọa lại tại: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông, tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn H được chia dài 255,4m + 37,3m + 18,0m;

Phía Tây giáp đất ông T dài 91,42m + 48,13m + 171,21m + 28,25m;

Phía Nam giáp khe suối (mương nước) dài 32,75m;

Phía Bắc giáp đường đất dài 9,28m;

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 347.980.000 đồng.

Khi nào anh Nguyễn Văn H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng - Chi nhánh Đăk Nông phòng giao dịch huyện C và được Ngân hàng giải chấp thì anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H có quyền làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị Hồng T phải có nghĩa vụ bù tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn H là 135.412.500 đồng *(một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).*

Anh Nguyễn Văn H phải hoàn lại cho chị Phạm Thị Hồng T 105.000.000 đồng *(một trăm lẽ năm triệu đồng)* tiền mặt anh H đang quản lý.

Chị Phạm Thị Hồng T phải hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H 21.340.000 đồng *(hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* anh H đã đầu tư vào rẫy và nâng cấp đường điện 3 pha.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với số tiền chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T được quyền sử dụng chung 01 đường điện 03 pha ở trong thửa đất rẫy toạ lạc tại: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Để thuận lợi trong việc thanh toán tiền điện hàng tháng thì chị T có quyền lắp đặt đồng hồ riêng.

5. Về nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng chính sách V. Buộc chị Phạm Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng chính sách V phòng giao dịch huyện C, tỉnh Đăk Nông 42.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, được khấu trừ 30.221.918 đồng chị T đã trả vào ngày 10-5-2018. Anh H có nghĩa vụ trả lại cho chị T 21.000.000 đồng nợ gốc và ½ tiền lãi theo hợp đồng vay cho đến khi chị T trả hết nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T mỗi người phải trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với số tiền chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng - Chi nhánh Đăk Nông phòng giao dịch huyện C 250.000.000 đồng nợ gốc khi đến hạn trả nợ và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng số LD 1711800031 ngày 04-5-2017 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ. Anh H được khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng anh H đã trả vào ngày 08-5-2018.

6. Về nợ riêng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ; chị Đỗ Thị T; chị Đỗ Thị Y; chị Đỗ Thị O. Buộc chị Phạm Thị Hồng T phải trả cho

anh Phạm Văn T và chị Đào Thị Đ 20.000.000 đồng; chị Đỗ Thị T 39.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Y 56.046.000 đồng và chị Đỗ Thị O 20.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với số tiền chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ; 27.789.300 đồng giá trị tài sản được phân chia *(gồm 135.412.500 đồng + 332.980.000 đồng + 21.340.000 đồng + 105.000.000 đồng)*; 2.800.000 đồng án phí đối với số tiền phải thanh toán cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Ngân hàng chính sách V phòng giao dịch huyện C *(gồm 50.000.000 đồng + 6.000.000 đồng)*, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003186 ngày 12-5-2017 và 533.500 đồng theo biên lai số 0000973 ngày 28-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; anh H còn phải nộp 30.355.800 đồng.

Chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 28.295.700 đồng giá trị tài sản được phân chia *(gồm 169.412.500 đồng + 317.980.000 đồng + 15.000.000 đồng + 105.000.000 đồng)*; 9.552.300 đồng án phí đối với số tiền phải thanh toán cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Ngân hàng chính sách V phòng giao dịch huyện C *(gồm 50.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 135.046.000 đồng)*, được khấu trừ 12.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003310 ngày 02-6-2017 và 875.000 đồng theo biên lai số 0000951 ngày 08-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; chị T còn phải nộp 24.273.000 đồng.

Trả lại cho chị Đỗ Thị T 975.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003325 ngày 15-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho chị Đào Thị Đ 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003326 ngày 15-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho chị Đỗ Thị O 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003327 ngày 15-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho chị Đỗ Thị Y 1.401.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003328 ngày 15-6-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn H 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000982 ngày 11-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

8. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí toàn bộ là 21.779.210 đồng. Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Hồng T mỗi người phải chịu 10.889.605 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng anh H đã nộp là 16.975.850 đồng và chị T đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng. Chị T phải hoàn trả cho anh H 5.889.605 đồng.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số

0001050 ngày 06-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông